

Số: 68 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kết luận số 390-KL/TU ngày 21/10/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XI về một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, đoàn thể năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023;

Trên cơ sở Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025; Văn bản số 14120/UBND-KTN ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 8264/KH-UBND ngày 19/7/2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đúng tiến độ, hiệu quả và trở thành phong trào thi đua sâu rộng của các địa phương và cộng đồng dân cư.

b) Huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, hoàn thành các mục tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2023.

2. Yêu cầu

a) Các ngành, các cấp từ tỉnh đến cơ sở phải chủ động xây dựng kế hoạch hành động cụ thể và triển khai, thực hiện đạt mục tiêu của Chương trình năm 2023.

b) Nội dung kế hoạch phải bám sát mục tiêu chỉ đạo của tỉnh và cụ thể hóa các nhiệm vụ với lộ trình thời gian phù hợp, với tình hình thực tế của từng ngành, địa phương, đơn vị.

II. MỤC TIÊU

- Có thêm 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và 02 huyện nông thôn mới nâng cao (*Biểu chi tiết đính kèm*).

- Tiếp tục hỗ trợ 03 xã (*Bảo Hoà huyện Xuân Lộc, Long Phước huyện Long Thành, Bình Lợi huyện Vĩnh Cửu*) thực hiện chuyển đổi số cấp xã.

- Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt 85%.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 83,5%, trong đó: Từ công trình cấp nước tập trung là 21,87%; đầu nối từ công trình cấp nước đô thị là 26,29%.

- Tỷ lệ người dân khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo ở khu vực nông thôn đạt 70%.

- Giảm 30% hộ nghèo A trên tổng số hộ nghèo A.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo, nâng cao chất lượng, năng lực bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp, nhất là hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp, công chức phụ trách nông thôn mới cấp xã, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong chỉ đạo, thực hiện Chương trình giai đoạn mới 2021-2025.

2. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới. Nội dung tập huấn, tuyên truyền tập trung vào các cơ chế chính sách, mục tiêu, định hướng, các nội dung mới, các Bộ tiêu chí của Chương trình giai đoạn 2021-2025. Nhân rộng và phát huy các hình thức tuyên truyền đã có hiệu quả (hội thi), thực hiện các hình thức, nội dung tuyên truyền mới phù hợp với tình hình, đặc điểm của các địa phương.

3. Triển khai thực hiện có hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh đối với các đề án, dự án, chương trình: Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới (NTM); Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); Chương trình môi trường, vệ sinh, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; Chương trình về phát triển du lịch nông thôn gắn với bảo tồn, phát huy văn hoá truyền thống trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh; Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2030”.

4. Trên cơ sở mục tiêu, kế hoạch thực hiện Chương trình đã được tỉnh xác định, phát huy lợi thế, tiềm năng, gắn chặt xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hoá, các địa phương chủ động rà soát kết quả thực hiện theo các nội dung,

các bộ tiêu chí của Chương trình giai đoạn 2021-2025, từ đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp, xây dựng kế hoạch, lộ trình chi tiết để thực hiện, nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu năm 2023, cũng như mục tiêu đến năm 2025.

5. Tập trung phục hồi phát triển sản xuất, ổn định, nâng cao thu nhập người dân nông thôn, đặc biệt là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, coi đây là một trong nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong thực hiện Chương trình, trong đó tập trung: Ứng dụng mạnh khoa học công nghệ kể cả trong sản xuất và trong tiêu thụ, hỗ trợ phát triển chuỗi liên kết, phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến sâu nông sản, tạo ra sản phẩm có giá trị cao; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; kết hợp sản xuất nông nghiệp với du lịch sinh thái nông thôn, nhằm nâng cao giá trị, tạo phát triển bền vững cho khu vực nông thôn.

6. Chú trọng việc bảo vệ môi trường, tập trung chỉnh trang nông thôn, tạo cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, một cách đồng bộ: Thực hiện tốt phân loại rác tại nguồn, việc thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, đặc biệt là chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất (chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật), phát động, duy trì một cách thường xuyên các hoạt động về bảo vệ môi trường, lắp đặt hệ thống chiếu sáng, hình thành thói quen của từng cá nhân, hộ dân trong việc tự chỉnh trang khuôn viên gia đình, giữ gìn tạo diện mạo chung, đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp.

7. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn: Củng cố và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Phát triển và nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự.

8. Rà soát, điều chỉnh Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng “Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững” giai đoạn 2018-2025, phù hợp với tình hình thực tế, với các quy định của Trung ương, đảm bảo hoàn thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025; thực hiện tốt việc lồng ghép đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Trảng Bom.

9. Duy trì các cuộc họp Ban Chỉ đạo tỉnh định kỳ, cũng như đột xuất; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tình hình thực hiện Chương trình, để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, khắc phục các tồn tại, hạn chế, hoàn thành mục tiêu năm 2023.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2023 (vốn lồng ghép các chương trình thực hiện ở nông thôn) là: 155.752.950 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh:
- + Xây dựng cơ bản: 1.433.800 triệu đồng.
- + Sự nghiệp: 905.216 triệu đồng.
- Ngân sách huyện:

- + Xây dựng cơ bản: 3.347.433 triệu đồng.
- + Sự nghiệp: 2.216.501 triệu đồng
- Vốn tín dụng (dư nợ cho vay xây dựng nông thôn mới): 112.000.000 triệu đồng.
- Vốn doanh nghiệp: 28.150.000 triệu đồng.
- Vốn nhân dân đóng góp: 7.700.000 triệu đồng.

Trong đó, nguồn kinh phí bố trí trực tiếp cho hoạt động của Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh; tổ chức Hội thi khu dân cư kiểu mẫu, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới là 8.356 triệu đồng (*biểu chi tiết kèm theo*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh nâng mức thưởng công trình đối với đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2023 - 2025.

b) Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Xuân Lộc, các sở, ngành liên quan, rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Đề án xây dựng huyện Xuân Lộc đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng “Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững” giai đoạn 2018-2025.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức đánh giá, thẩm định, công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; hướng dẫn, thẩm tra hồ sơ huyện nông thôn mới nâng cao đảm bảo tính khách quan, không du di, không chạy theo thành tích và không nợ tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức 02 lần họp Hội đồng thẩm định xét công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai vào tháng 07/2023 và tháng 10/2023.

d) Tham mưu Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh ban hành Kế hoạch truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025.

đ) Chủ trì, phối hợp với các ban, đảng, đoàn thể và các địa phương tổ chức tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội thảo, hội thi về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

e) Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin truyền thông, các sở, ngành có liên quan nghiên cứu áp dụng chuyển đổi số trong việc thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; nông thôn mới kiểu mẫu.

g) Chủ trì, phối hợp Hội Kiến trúc sư tỉnh Đồng Nai, UBND các huyện, thành phố Long Khánh lựa chọn một số khu dân cư để xây dựng, thiết kế cảnh quan nông thôn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương tham mưu UBND tỉnh, cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh đối với đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo hoàn thành mục tiêu thực hiện Chương trình năm 2023.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương tham mưu UBND tỉnh, cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh đối với vốn sự nghiệp, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023.

4. Các Sở, ban, ngành tỉnh

a) Trên cơ sở nhiệm vụ của các Bộ, ban, ngành được phân công tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng kế hoạch năm 2023 rõ kinh phí, nguồn lực thực hiện, giải pháp thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Các sở, ban, ngành chủ trì hoạt động thông tin tuyên truyền, đề án, dự án thuộc Chương trình, đề xuất nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2023 gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp.

c) Lồng ghép các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để góp phần thực hiện các nội dung thành phần và các tiêu chí nông thôn mới theo phân công.

d) Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất, hỗ trợ các xã, huyện thực hiện Chương trình đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra đến năm 2025, nhất là các xã, huyện đăng ký đạt chuẩn năm 2023. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện, hướng dẫn đánh giá, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí do ngành phụ trách.

đ) Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, chủ động ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các Bộ tiêu chí: Xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao.

5. UBND các huyện, thành phố Long Khánh

a) Tổ chức Hội nghị sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, khả năng hoàn thành mục tiêu đến năm 2025. Thời gian thực hiện, hoàn thành **trong Quý I/2023**.

b) Xây dựng kế hoạch, lộ trình chi tiết năm 2023 thực hiện Chương trình trên địa bàn, cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương, huy động các nguồn vốn khác, đảm bảo cho việc thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, tiêu chí của địa phương, hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2023 đã được xác định.

c) Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ xã, ấp, khu dân cư thực hiện xây dựng nông thôn mới; vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng nông thôn mới theo hình thức tự nguyện, không huy động quá sức dân và để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

d) củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới cấp huyện, bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo huyện, nhất là Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

đ) Chủ động lập hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, đảm bảo theo quy định, đúng tiến độ, thời gian trình trong năm 2023.

e) UBND các huyện Xuân Lộc chủ động lập hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đảm bảo theo quy định, trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị trước ngày 31/5/2023.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên tiếp tục nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội trong thực hiện Chương trình; lồng ghép trong thực hiện Chương trình gắn với nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; tiếp tục phối hợp tuyên truyền, vận động nâng cao vai trò chủ thể của người dân trong tham gia xây dựng nông thôn mới.

7. Chế độ báo cáo: Đề nghị các Sở, ban, ngành tỉnh, địa phương định kỳ hàng quý báo cáo tiến độ thực hiện mục tiêu, kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2023, gửi UBND tỉnh, thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tổng hợp, đề xuất).

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối NTMTW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo NN, ND, NT & XD NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/188.KHntm2023)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi

Phụ lục 01:
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC
GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 68 /KH-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2023
của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị	Xã nông thôn mới nâng cao	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	Huyện nông thôn mới nâng cao
Huyện Xuân Lộc		01 xã	Trước ngày 31/5/2023, trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị công nhận
Huyện Thống Nhất	02 xã		
Huyện Long Thành	02 xã		
Huyện Nhơn Trạch			
Huyện Trảng Bom	02 xã	01 xã	
Huyện Vĩnh Cửu		01 xã	
Huyện Cẩm Mỹ	01 xã		
Huyện Tân Phú	01 xã	01 xã	
Huyện Định Quán		01 xã	Trong năm 2023, trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị công nhận
Thành phố Long Khánh		01 xã	
TỔNG	08 xã	06 xã	02 huyện



Phụ lục 02:

KINH PHÍ BỔ TRÍ TRỰC TIẾP CHO HOẠT ĐỘNG BAN CHỈ ĐẠO NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH, TÒ CHỨC HỘI THỊ KHU DÂN CƯ KIỂU MẪU, THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: 68 /KH-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý đề xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
	TỔNG CỘNG					8.356.070.800
1	KP Ban chỉ đạo + KP VPBP					4.338.584.000
*	Kinh phí hoạt động giúp việc Ban Chỉ đạo của Văn phòng Điều phối					4.040.684.000
1.1	Công tác hoạt động					847.370.000
a	Tổ chức hội thảo về xây dựng nông thôn mới.		Lần	4		327.520.000
	Hội thảo tổ chức tại tỉnh Thành phần 200 người (trong đó có 110 người là đối tượng không hưởng lương x 2 lần/năm). - Đối tượng: Cán bộ huyện, xã và cán bộ ấp, người dân. - Mục đích: Nhân rộng các mô hình hay về xây dựng nông thôn mới. - Địa điểm tổ chức: tại Tp.Biên Hòa - Số lượng: 200 người/hội thảo x 2 lần. - Thời gian: 01 ngày/hội thảo x 2 lần.		Lần	2		143.520.000
	* Nội dung: Hội thảo đánh giá kết quả thực hiện xã chuyển đổi số hướng tới nông thôn mới thông minh					
	Thuê hội trường (8.640.000 đồng/buổi)					
	Màn hình Led (3.240.000 đồng/buổi)	Bảo giá	Ngày	4	11.880.000	47.520.000
	Giờ phát sinh (nếu có) 1 tiếng x 1.000.000 đồng					
	Trang trí Hội trường: (2 lần x 1.500.000 đồng/lần)		Lần	2	1.500.000	3.000.000
	Tiền bảo cáo viên (02 người x 4.000.000 đồng/ngày)	Thông Tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018	người	2	4.000.000	8.000.000
	Tiền tham luận trình bày tại Hội thảo (5 tham luận/lần x 2 lần x 500.000 đồng)		Lần	10	500.000	5.000.000
	Chi trực tiếp cho đại biểu tham dự:					-
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương 110 người/lần x 2 lần x 200.000 đồng		Người	220	200.000	44.000.000
	Nước uống giữa giờ (200 người x 2 lần x 40.000 đồng/ngày)		Người	400	40.000	16.000.000
	Tiền tài liệu (200 người x 2 lần x 25.000 đồng)		Bộ	400	25.000	10.000.000
	Văn phòng phẩm (200 người x 2 lần x 25.000 đồng)		Người	400	25.000	10.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
+	<p>Hội thảo tổ chức tại Huyện</p> <p>Thành phần: 200 người, trong đó có 110 người là đối tượng không hưởng lương x 2 lần/năm.</p> <p>- Đối tượng: Cán bộ huyện, xã và cán bộ cấp, người dân.</p> <p>- Mục đích: Nhân rộng các mô hình xây dựng nông thôn mới có hiệu quả</p> <p>- Địa điểm tổ chức: tại huyện.</p> <p>- Số lượng: 200 người/hội thảo x 2 lần.</p> <p>- Thời gian: 01 ngày/hội thảo x 2 lần.</p>		Lần	2		184.000.000



STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
	* Nội dung: Về các mô hình xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn					
	Thuế hội trường (2 lần x 8.000.000 đồng/lần)		Lần	2	8.000.000	16.000.000
	Trang trí Hội trường (2 lần x 1.500.000 đồng/lần)		Lần	2	1.500.000	3.000.000
	Tiền báo cáo viên 2 người x 4.000.000 đồng/ngày	Thông Tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018	Ngày	2	4.000.000	8.000.000
	Tiền tham luận trình bày tại Hội thảo (3 tham luận/lần x 2 lần x 500.000 đồng)		Lần	6	500.000	3.000.000
	Chi trực tiếp cho đại biểu tham dự:					-
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương (tổ chức nấu ăn tập trung) bù chênh lệch 130%: 110 người/lần x 2 lần x 195.000 đồng		Người	220	195.000	42.900.000
	Chi bù tiền ăn chênh lệch cho đại biểu hưởng lương khi nấu ăn tập trung 90 người/lần x 2 lần x 45.000 đồng		Người	180	45.000	8.100.000
	Tiền thuê nhà bát phục vụ ăn (2 lần x 20.000.000 đồng/lần)	Báo giá	Lần	2	20.000.000	40.000.000
	Nước uống giữa giờ (200 người x 1 lần x 40.000 đồng/ngày)		Người	400	40.000	16.000.000
	Thuế xe đưa các đại biểu tham dự đi thực tế mô hình, điển hình xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, đưa đón nhà khoa học (03 chuyên/lần x 2 lần x 4.500.000 đ/chuyên)	Báo giá	Chuyến	6	4.500.000	27.000.000
	Tiền tài liệu (200 người x 2 lần x 25.000 đồng)		Bộ	400	25.000	10.000.000
	Văn phòng phẩm (200 người x 2 lần x 25.000 đồng)		Người	400	25.000	10.000.000
b	Đi công tác (đự hội thảo, hội nghị, tập huấn, làm việc với các tỉnh)		Lần	10		173.000.000
	Cước vận chuyển đi công tác các tỉnh (2 người x 10 lần x 8.000.000 đ)		Người	20	8.000.000	160.000.000
	Tiền thuê phòng nghỉ (2 người x 10 ngày x 450.000 đ/người/ngày)		Ngày	20	450.000	9.000.000
	Phụ cấp công tác phí (2 người x 10 ngày x 200.000 đ/người/ngày)		Ngày	20	200.000	4.000.000
c	Hỗ trợ công tác xây dựng báo cáo					29.850.000
	Báo cáo sơ kết, tổng kết các nội dung Kế hoạch 97, Chương trình Nông thôn mới và Phong trào Chung sức thi đua (15 báo cáo x 750.000 đ/báo cáo)		BC	15	750.000	11.250.000
	Báo cáo đột xuất theo yêu cầu chỉ áp dụng 4 Cơ quan thường trực và Văn phòng DP (10 báo cáo x 750.000 đ/báo cáo)		BC	10	750.000	7.500.000
	Báo cáo định kỳ trong năm 35 đơn vị (2 báo cáo/năm x 35 đơn vị x 150.000 đ/báo cáo)		BC	70	150.000	10.500.000
	Báo cáo thường kỳ trong năm (12 báo cáo x 50.000 đ/báo cáo)		BC	12	50.000	600.000
d	Lễ công bố đạt chuẩn NTM					219.000.000
	Bảng công nhận xã 24 x 8.000.000 đ Giảm so với năm 2022 Năm 2022 12 cái (có quyết định tháng 1/2023) Năm 2023 12 cái (trong đó 8 nâng cao và 4 kiểu mẫu)		Bảng	24	8.000.000	192.000.000
	Bảng công nhận xã 24 x 1.000.000 đ (Bảng Giấy, khung)		Bảng	24	1.000.000	24.000.000
	Chi phí thẩm định giá			1	3.000.000	3.000.000
e	Chi phí phục vụ họp hội tổ chức trong tỉnh					98.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
+	Hợp Ban chỉ đạo, Hội đồng thẩm định, tổ chuyên viên (12 lần/năm ; 60 người /lần)		Lần	12		18.000.000
	Nước uống 12 lần x 60 người x 20.000 đ/buổi		Người	720	20.000	14.400.000
	Photo tài liệu 12 Bộ x 60 người x 5.000 đ/lần		Bộ	720	5.000	3.600.000
+	Thuê xe đi tham dự các cuộc họp					80.000.000
	Thuê xe đi tham dự các cuộc họp 20 chuyên/năm x 4.000.000 đồng	Bảo giá	Chuyên	20	4.000.000	80.000.000
1.2	Tổ chức làm việc, khảo sát và kiểm tra về NTM					426.000.000
a	Thuê xe 60 lần/năm x 4.500.000 đ/chuyên (kiểm tra 10 chuyên; khảo sát 10 chuyên; khảo sát KDC 10 chuyên; làm việc với địa phương 30 chuyên)	Bảo giá	Chuyên	60	4.500.000	270.000.000
b	Công tác phí 60 lần/năm x 10 người x (200.000 đ/người x 130%)	Quyết định 08/2013/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai	Người	600	260.000	156.000.000
1.3	Công tác đào tạo					1.184.380.000
a	Tập huấn chuyên đề về Chương trình xây dựng nông thôn mới * Đối tượng: Cán bộ phụ trách xây dựng nông thôn mới huyện, xã. * Thời gian tập huấn: 03 ngày/lớp x 2 lớp * Địa điểm tập huấn: thành phố Biên Hòa * Số lượng: 100 người/lớp * Nội dung: Hướng dẫn cụ thể các Bộ tiêu chí, lập hồ sơ công nhận, xây dựng báo cáo đánh giá,...		Lớp	2		170.480.000
	Thuê hội trường (8.640.000 đồng/buổi) Màn hình Led (3.240.000 đồng/buổi) Giờ phát sinh (nếu có) 1 tiếng x 1.000.000 đồng	Bảo giá	Ngày	6	11.880.000	71.280.000
	Trang trí Hội trường: 2 lớp x 1.000.000 đ/ngày		Cái	2	1.000.000	2.000.000
	Tiền nước uống: 100 người x 3 ngày x 2 lớp x 40.000 đ/người/ngày		Người	600	40.000	24.000.000
	Thù lao giảng viên: 3 ngày x 2 lớp x 4.000.000 đ/người/ngày	Thông Tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018	Ngày	6	4.000.000	24.000.000
	Hỗ trợ tiền ăn giảng viên: 3 ngày x 2 lớp x 200.000 đ/người/ngày		Người	6	200.000	1.200.000
	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên: 2 đêm x 2 lớp x 500.000đ/đêm		Ngày	4	500.000	2.000.000
	Photo tài liệu: 100 người/1 lớp x 2 lớp x 25.000 đ/cuốn		Cuốn	200	25.000	5.000.000
	Văn phòng phẩm (100 người/1 lớp x 2 lớp x 25.000 đồng/người)		Người	200	25.000	5.000.000
	Thuê xe đưa các học viên đi tham quan học tập thực tế mô hình, điển hình xây dựng nông thôn mới có hiệu quả (02 chuyên/lần x 2 lớp x 7.500.000 đ/chuyên 45 chỗ ngồi)		Chuyên	4	7.500.000	30.000.000
	Thuê xe đưa nước giảng viên mời tham gia giảng dạy tập huấn: 2 chuyên/lớp x 2 lớp x 1.500.000đ/chuyên	Bảo giá ở tỉnh dưới 100km	Chuyên	4	1.500.000	6.000.000
b	Tập huấn nâng cao kiến thức xây dựng nông thôn mới cho nông dân, cán bộ các huyện, xã, ấp * Đối tượng: Cán bộ phụ trách xây dựng nông thôn mới các huyện, xã, ấp và nông dân. * Thời gian tập huấn: 2 ngày/lớp x 05 lớp * Địa điểm tập huấn: Tại các huyện * Số lượng: 300 người /lớp; tương đó có 200 người là đối tượng không hưởng lương * Nội dung: Cập nhật kiến thức về xây dựng nông thôn mới (Chương trình, các Bộ tiêu chí, chương trình năm không, ba sạch,...)		Lớp	5		641.500.000
	Tiền ăn học viên không hưởng lương (200 người x 2 ngày/lớp x 5 lớp x 150.000đ/ngày)		Người	2.000	150.000	300.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý đề xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
	Tiền phương tiện đi lại học viên không hưởng lương (200 người x 2 ngày/lớp x 5 lớp x 20.000đ/ngày)		Người	2.000	20.000	40.000.000
	Tiền nước uống học viên (300 người x 2 ngày/lớp x 5 lớp x 40.000đ/ngày)		Người	3.000	40.000	120.000.000
	Tiền trang trí lớp học (5 lớp x 1.000.000đ/lớp)		Cái	5	1.000.000	5.000.000
	Tiền thuê hội trường: (2 ngày/lớp x 5 lớp x 3.000.000 đ/ngày)		Ngày	10	3.000.000	30.000.000
	Tiền thuê giảng viên (2 ngày/lớp x 5 lớp x 4.000.000 đ/ngày)	Thông Tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018	Ngày	10	4.000.000	40.000.000
	Tiền ăn giảng viên (5 lớp x 150.000đ/ngày)		Ngày	10	150.000	1.500.000
	Thuê xe đưa nước giảng viên mời tham gia giảng dạy tập huấn: 01 chuyến/lớp x 2 ngày x 5 lớp x 3.000.000đ/chuyến	Bảo giá	Chuyến	10	3.000.000	30.000.000
	Tiền văn phòng phẩm (300 người x 5 lớp x 25.000 đồng)		Người	1.500	25.000	37.500.000
	Photo đóng tập (300 cuốn x 5 lớp x 25.000 đ/cuốn)		Cuốn	1.500	25.000	37.500.000
	Tập huấn cho cán bộ ấp, người dân về xây dựng nông thôn mới					
	* Đối tượng: Cán bộ ấp, khu dân cư, người dân					
	* Thời gian tập huấn: 2 ngày/lớp x 7 lớp					
	* Địa điểm tập huấn: tại các xã (7 huyện/7 lớp)					
	* Số lượng: 100 người					
	* Nội dung:					
	1. Xây dựng nông thôn mới.		Lớp	7		372.400.000
	2. Thay đổi tư duy SX nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp					
	Thuế hội trường (điện, nước, âm thanh, ánh sáng): 7 lớp x 2 ngày x 1.500.000 đồng		Ngày	14	1.500.000	21.000.000
	Trang trí Hội trường: 7 lớp x 1.000.000 đ/ngày		Cái	7	1.000.000	7.000.000
	Tiền ăn học viên không hưởng lương (100 người x 2 ngày/lớp x 7 lớp x 100.000đ/ngày)		Người	1.400	100.000	140.000.000
	Tiền nước uống học viên (100 người x 2 ngày/lớp x 7 lớp x 40.000đ/ngày)		Người	1.400	40.000	56.000.000
	Tiền thuê giảng viên (2 người) 2 ngày x 7 lớp x 4.000.000 đ/ngày	Thông Tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018	Ngày	14	4.000.000	56.000.000
	Tiền ăn giảng viên (2 người) 2 ngày x 7 lớp x 100.000đ/ngày		Ngày	14	100.000	1.400.000
	Thuê xe đưa nước giảng viên mời tham gia giảng dạy tập huấn: 02 chuyến/lớp x 7 lớp x 4.000.000đ/chuyến	Bảo giá	Chuyến	14	4.000.000	56.000.000
	Tiền văn phòng phẩm (100 người x 7 lớp = 700 người x 25.000 đồng/người)		Người	700	25.000	17.500.000
	Photo đóng tập (100 người x 7 lớp = 700 cuốn x 25.000 đ/cuốn)		Cuốn	700	25.000	17.500.000
1.4	Chi phí khác	Thực hiện Chủ chương theo từng nhiệm vụ được giao (theo chỉ đạo của UBND tỉnh)				1.582.934.000
a	Xây dựng phần mềm thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu		Phan mềm	1	1.000.000.000	1.000.000.000
b	Hỗ trợ kinh phí xuất bản cuốn sách "Vai trò của các tổ chức đảng trong xây dựng nông thôn mới"					53.784.000
	Bài viết		Lần	5	4.827.600	24.138.000
	Ảnh		Lần	5	1.609.200	8.046.000
	Kỹ thuật, thiết kế, biên tập/bài		Lần	5	2.160.000	10.800.000
	Chi phí in ấn, xuất bản, phát hành/Bài		Lần	5	2.160.000	10.800.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
c	Tiếp đoàn công tác Ban chỉ đạo trung ương làm việc, khảo sát và kiểm tra thực tế công tác xây dựng huyện đạt nông thôn mới nâng cao và trình duyệt hồ sơ huyện NTM nâng cao					228.900.000
	- Tiếp đoàn công tác Ban chỉ đạo trung ương làm việc, khảo sát và kiểm tra thực tế công tác xây dựng huyện đạt nông thôn mới nâng cao					110.500.000
	Nước uống 5 lần x 20 người x 30.000 đ/buổi		Người	100	30.000	3.000.000
	Photo tài liệu 5 Bộ x 20 người x 100.000 đ/bộ		Bộ	100	100.000	10.000.000
	Mời cơm đại biểu (5 lần x 20 người x 300.000đ/ngày)		Người	100	300.000	30.000.000
	Thuê xe đi công tác 15 lần x 4.500.000 đ/lần (5 lần đi thực tế tại các xã, 2 chuyển/lần x 5 lần đưa đón sản bay đoàn công tác trung ương vào làm việc)	Bảo giá	Chuyến	15	4.500.000	67.500.000
	- Chi phí đi trình duyệt hồ sơ huyện NTM nâng cao					118.400.000
	Cước vận chuyển đi công tác tại Hà Nội (3 người x 3 lần x 8.000.000 đ)		Người	9	8.000.000	72.000.000
	Tiền thuê phòng nghỉ (3 người x 2 ngày x 3 lần 450.000 đ/người/ngày)		Ngày	18	450.000	8.100.000
	Phụ cấp công tác phí (3 người x 3 ngày x 3 lần x 200.000 đ/người/ngày)		Ngày	27	200.000	5.400.000
	In ấn hồ sơ trình huyện NTM nâng cao 70 bộ ((100 trang thường*500 đ +40 trang in màu*10.000 đ + bìa 20.000 đ)*35 cuốn*2 huyện))	Bảo giá	Bộ	70	470.000	32.900.000
d	Tiếp đoàn công tác Ban Chỉ đạo Trung ương; Tiếp đoàn công tác các tỉnh bạn đến học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới					227.250.000
	Nước uống 15 lần x 30 người x 30.000 đ/buổi		Người	450	30.000	13.500.000
	Photo tài liệu 15 Bộ x 30 người x 25.000 đ/bộ		Bộ	450	25.000	11.250.000
	Mời cơm đại biểu (15 lần x 30 người x 300.000đ/ngày)		Người	450	300.000	135.000.000
	Thuê xe đi công tác tại các xã 15 lần x 4.500.000 đ/lần	Bảo giá	Chuyến	15	4.500.000	67.500.000
e	Đi học tập kinh nghiệm các tỉnh bạn về nông thôn mới		Lần	1		73.000.000
	Tiền phòng ngủ (20 người x 3 đêm x 450.000đ/người)		Người	60	450.000	27.000.000
	Tiền phụ cấp lưu trú: (20 người x 4 ngày x 200.000đ)		Người	80	200.000	16.000.000
	Thuê xe đưa đón và đi chuyển trong thời gian đi học tập trong 4 ngày (4 chuyển x 7.500.000 đồng/ngày)	Bảo giá	Chuyến	4	7.500.000	30.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý đề xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
**	Kinh phí Ban Chỉ Đạo NNNDNT&XDNTM					297.900.000
1.1	Hỗ trợ thù lao kiêm nhiệm					209.500.000
	Trưởng ban và Phó trưởng ban (5 người x 12 tháng x 300.000 đồng/người/tháng)		Người	60	300.000	18.000.000
	Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, Tổ trưởng, tổ phó, thư ký Tổ Chuyên viên và chuyên viên giúp việc của Cơ quan là Thành viên Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh (45 người x 12 tháng 250.000 đồng/người/tháng)		Người	540	250.000	135.000.000
	Các thành viên Tổ chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh của các cơ quan không thuộc thành viên Thường trực (30 người x 12 tháng x 150.000 đồng/người/tháng)		Người	360	150.000	54.000.000
	Phí chuyển tiền ATM khác ngân hàng (50 người x 2 lần/năm x 25.000 đồng)		Người	100	25.000	2.500.000
1.2	Kinh phí hoạt động của 02 cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (các Sở: Sở Nông nghiệp và PTNT; Tài chính)					88.400.000
-	Thuế xe BCD tham dự hội nghị, tổng kết đánh giá, công tác chương trình Nông thôn mới: 10 chuyến/năm, 180 km /chuyến x 12.000 đ (Sở Nông nghiệp và PTNT)		Chuyến	10	2.160.000	21.600.000
-	Nhiên liệu đi công tác huyện, xã: 26 chuyến/năm x 50 lít/lần x 24.000 đ (2xă/ chuyến/công tác)		Lít	37	1.200.000	44.400.000
-	Công tác phí: 2 cơ quan x 26 ngày/năm x 2 người/lần x 200.000 đồng (2 xã/lần công tác)		Người	76	200.000	15.200.000
-	Văn phòng phẩm hỗ trợ 2 cơ quan thường trực (2 cơ quan x 5.200.000đ/cơ quan)	Khoản 02 đơn vị	CQ	2		7.200.000
2	KP CTMTQG XD NTM					3.577.256.800
2.1	Tuyên truyền nông thôn mới của Văn phòng Điều phối					95.000.000
	Thực hiện phòng sự tuyên truyền nông thôn mới kiểu mẫu 2023					
	Nội dung: Hướng dẫn các Bộ tiêu chí nông thôn mới, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, khu dân cư kiểu mẫu, quy trình thực hiện..)	Báo giá	Clip	10	9.500.000	95.000.000
2.2	Thực hiện các đề án, chương trình về xây dựng nông thôn mới					650.050.000
a	Mô hình khu dân cư kiểu mẫu hạn chế túi nylon, rác thải nhựa và phân loại rác tại nguồn.		KDC	5		320.000.000
	Hỗ trợ 05 khu dân cư: thùng rác, túi giấy, túi thân thiện môi trường, túi đựng rác tự phân hủy, giỏ đi chợ,... (50.000.000 đồng x 5 KDC)		Khu dân cư	5	50.000.000	250.000.000
	Tổ chức họp với người dân tại khu dân cư thực hiện mô hình					
	Hỗ trợ nước uống cho các buổi họp của khu dân cư (10 lần/khu x 5 khu x 40 người/lần x 10.000 đồng/người)		Người	2.000	10.000	20.000.000
	Văn phòng phẩm, tài liệu phục vụ buổi họp của Khu dân cư (25 lần x 2.000/000 đ/lần)		lần	25	2.000.000	50.000.000
b	Hội thi trực tuyến tìm hiểu kiến thức về xây dựng nông thôn mới					90.050.000
-	Thiết kế phần mềm thi trực tuyến	Báo giá	Lần	1	43.200.000	43.200.000
-	Giải thưởng Hội thi (bao gồm 60 giải tuần và 19 giải chung cuộc)					36.000.000
	<i>Cá nhân: (bao gồm 60 giải tuần : 15 giải chung cuộc)</i>					24.000.000
	Giải nhất tuần (15 giải/1 tuần x 4 tuần)		Giải	60	200.000	12.000.000
	1 giải nhất		Giải	1	2.000.000	2.000.000
	2 giải nhì (1.500.000 đồng/giải)		Giải	2	1.500.000	3.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
	2 giải ba (1.000.000 đồng/giải)		Giải	2	1.000.000	2.000.000
	10 giải khuyến khích (500.000 đồng/giải)		Giải	10	500.000	5.000.000
	<i>Tập thể: 4 giải</i>					12.000.000
	1 giải nhất		Giải	1	5.000.000	5.000.000
	1 giải nhì		Giải	1	3.000.000	3.000.000
	2 giải ba (2.000.000 đồng/giải)		Giải	2	2.000.000	4.000.000
-	Tổ chức hội nghị trao giải					9.900.000
	Hội trường		Buổi	1	2.000.000	2.000.000
	Băng rôn trang trí		Cải	1	2.000.000	2.000.000
	Nước uống (100 người x 20.000 đồng/người/buổi)		Người	100	20.000	2.000.000
	Hoa trao giải (19 giải x 150.000 đồng/bó)		Bó	19	150.000	2.850.000
	Hoa tặng Ban Giám Khảo (07 bó x 150.000 đồng/bó)		Bó	7	150.000	1.050.000
-	Thanh toán chi mua khung khen và giấy khen (19 cái x 50.000 đồng)		Cái	19	50.000	950.000
<i>c</i>	Phối hợp Hội kiến trúc sư tỉnh thực hiện các chương trình, dự án về xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn: Thuê chuyên gia hỗ trợ các khu dân cư xây dựng cảnh quan (03 khu dân cư/năm x 01 chuyên gia/khu dân cư)					240.000.000
	Thu lao thuê chuyên gia (03 người x 20 ngày x 2.000.000 đồng)	Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/1/2015	ngày	60	2.000.000	120.000.000
	Thuế xe đưa đón chuyên gia đi khảo sát tại các xã (03 người x 10 ngày x 4.000.000 đồng/chuyến/1 ngày)	Bảo giá	ngày	30	4.000.000	120.000.000
2.3	Phối hợp với các sở ban ngành, đoàn thể và địa phương thực hiện tuyên truyền					2.832.206.800
<i>a</i>	Hội Cựu chiến binh					
	Tập huấn cấp tỉnh (210 người/lớp)		Lớp	1		36.700.000
	Mỗi phường, xã 1 Đc x 171 Phường, xã = 171 Đc; 11 đơn vị huyện x 1 Đc= 11 Đc; khối 487 và Cơ quan Tỉnh Hội 28 Đc					
	Mua Văn phòng phẩm		Lớp	1	2.000.000	2.000.000
	Trang trí khẩu hiệu tập huấn		Lớp	1	1.000.000	1.000.000
	Nước uống (210 người x 40.000 đồng/người)		Người	210	40.000	8.400.000
	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương 180 người x 50.000 đồng/người	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	180	50.000	9.000.000
	Thu lao giáo viên (1 người x 1.300.000 đồng/người)	Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND	Người	1	1.300.000	1.300.000
	Thuế xe đi kiểm tra thực hiện công tác XD NTM ở cấp huyện, thành phố (10 chuyến/10 huyện x 1.500.000 đồng)	Theo giá thực tế	Huyện	10	1.500.000	15.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
b	Ban Tuyên Giáo: Hội thảo khoa học chủ đề "Phát huy tối đa mọi nguồn lực, tạo sức mạnh đột phá để xây dựng nông thôn mới nâng cao, NTM kiểu mẫu, KDC kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		Lần			78.200.000
-	Nước uống giữa giờ (180 người x 20.000đ/người)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	180	20.000	3.600.000
-	Thủ lao cho chủ trì hội thảo: 1.200.000đ/ buổi	Quyết định 59/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Người	2		1.600.000
-	Thủ lao cho thư ký hội thảo: 400.000đ/ buổi					
-	Kinh phí chi trả cho báo cáo tham luận phục vụ hội thảo:		Báo cáo	20	800.000	16.000.000
+	- Tham luận đất hàng không trình bày tại hội thảo: 20 tham luận x 800.000đ		Báo cáo	10	1.600.000	16.000.000
+	- Tham luận đất hàng trình bày tại hội thảo: 10 tham luận x 1.600.000đ		Người	180	200.000	36.000.000
-	Thủ lao cho thành viên tham gia hội thảo 180 đại biểu x 200.000 đồng/người		Lần	1	5.000.000	5.000.000
	Kinh phí in ấn, tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ hội thảo					201.950.000
c	Huyện Vĩnh Cửu					
	Tập huấn tuyên truyền					
-	* Thời gian tập huấn: 01 lớp/ngày					
	* Địa điểm tập huấn: tại UBND Huyện					
	* Số lượng: 250 người/lớp		Lớp	1		46.150.000
	* Đối tượng: Cán bộ ấp, khu dân cư, người dân					
	* Nội dung: triển khai các nội dung thay đổi theo bộ tiêu chí mới, vận động người dân cùng tham gia phòng trào xây dựng nông thôn mới tại khu dân cư nơi sinh sống					
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương (200 người x 150.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	200	150.000	30.000.000
	Tiền nước cho học viên (250 người x 40.000 đồng)		Người	250	40.000	10.000.000
	Tài liệu cho học viên (250 người x 10.000 đ)		Bộ	250	10.000	2.500.000
	Bảng rôn tập huấn	Bảo giá	Cái	1	1.000.000	1.000.000
	Thuê Hội trường (âm thanh, máy chiếu)		Lớp	1	2.000.000	2.000.000
	Thủ lao cho giảng viên		Lớp	1	650.000	650.000
	Tuyên truyền lưu động	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018				
-	* Thời gian tuyên truyền: 02 địa phương/ngày/đợt					
	* Địa điểm: tại các khu dân cư trên địa bàn các xã: 02 xã đợt, riêng xã Phú Lý 01 đợt					
	* Số lượng: 20 người/ngày/đợt					
	* Đối tượng: Văn phòng Điều phối XDNTM huyện và BCD NN-ND-NT&XDNT xã					
	* Nội dung: tuyên truyền vận động người dân cùng tham gia phòng trào xây dựng nông thôn mới tại khu dân cư nơi sinh sống		Đợt	6		56.800.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý đề xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
	Thực hiện pano gắn xe máy (cây gỗ, in màu nội dung tuyên truyền trên vải) 10 cái x 500.000 đ		Cái	10	500.000	5.000.000
	Thuê xe tuyên truyền đi các xã (02 địa phương/đợt) 6 chuyến x 2.000.000 đ	Báo giá	Chuyến	6	2.000.000	12.000.000
	Hỗ trợ xăng cho đoàn xe máy đi cùng (02 địa phương/đợt) 60 xe x 150.000 đ	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Xe	60	150.000	9.000.000
	Nước uống (6 đợt) 170 phần x 40.000 đồng		Phần	170	40.000	6.800.000
-	Đông phục cho mỗi thành viên tham gia: Thành viên huyện: 10 người 11 địa phương: Mỗi địa phương 10 người 120 bộ x 200.000 đồng	Báo giá	Bộ	120	200.000	24.000.000
-	Bảo dưỡng 10 pano tuyên truyền		Cái	10		99.000.000
	Thực hiện bảo dưỡng 10 pano (10 cái x 9.000.000 đồng)	Báo giá	Cái	10	9.000.000	90.000.000
	Chi phí thăm định giá		Lần	1	9.000.000	9.000.000
d	Huyện Cẩm Mỹ					134.400.000
-	Kinh phí tập huấn tuyên truyền Nông thôn mới * Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp x 12 lớp * Địa điểm tập huấn: tại các xã * Số lượng: 50 người/lớp * Đối tượng: Cán bộ ấp, khu dân cư, người dân * Nội dung tập huấn: Tập huấn giải pháp xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao, Nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025		Lớp	12		62.400.000
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương (600 người x 50.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	600	50.000	30.000.000
	Tiền nước cho học viên (600 người x 10.000 đồng)		Người	600	10.000	6.000.000
	Tài liệu cho học viên (600 người x 10.000 đồng)	Báo giá	Bộ	600	10.000	6.000.000
	Bảng tôn tập huấn (12 cái x 500.000 đồng)		Cái	12	500.000	6.000.000
	Thuê Hội trường (12 lớp x 600.000 đồng)	Chi thực tế	Lớp	12	600.000	7.200.000
	Thủ lao cho giảng viên (12 lớp x 600.000 đồng)	Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019	Lớp	12	600.000	7.200.000
-	Tuyên truyền trực quan: Bảng tôn tuyên truyền nông thôn mới với kích thước 5mx0,7m tại địa bàn 12 xã (mỗi xã 20 cái) 12 xã x 20 cái/xã x 300.000 đồng			240	300.000	72.000.000
e	Huyện Trảng Bom					164.700.000
-	Tuyên truyền tập huấn giải pháp xây dựng mô hình khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện (1 ngày/lớp x 10 lớp) * Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp x 10 lớp * Địa điểm tập huấn: tại các xã * Số lượng: 50 người/lớp * Đối tượng: Cán bộ ấp, khu dân cư, người dân * Nội dung tập huấn: Giải pháp xây dựng mô hình khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện		Lớp	10		46.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý đề xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
	Tiền báo cáo viên (400.000 đ/ngày/lớp x 10 lớp)		Lớp	10	400.000	4.000.000
	Tiền photo tài liệu học viên (20.000 đ/hv x 50 hv/lớp x 10 lớp)		Người	500	20.000	10.000.000
	Tiền nước uống cho học viên (40.000 đ/hv x 50 hv/lớp x 10 lớp)		Người	500	40.000	20.000.000
	Tiền trang trí, vệ sinh hội trường (1.200.000 đ/lớp x 10 lớp)		Lớp	10	1.200.000	12.000.000
-	Tuyên truyền trực quan:					118.700.000
	Băng rôn tuyên truyền nông thôn mới (5m x 1m); số lượng 82 cái (66 áp + 16 Trung tâm) x 350.000 đồng/băng rôn	Báo giá	Cái	82	350.000	28.700.000
	Pano: 02 bảng x 45.000.000 đ/bảng (4m x 8m)		Cái	2	45.000.000	90.000.000
	Địa điểm Ấp 2 xã Sông Trầu và Bàu Hàm					
f	Huyện Thống Nhất					226.786.800
-	Tuyên truyền trực quan bằng pano điện tử		Cái	2		70.716.800
	Màn hình Led ma trận (3.86 m x 0.66 m) 2.5 m ² x 2 cái x 7.560.000 đồng		m ²	5	7.560.000	37.800.000
	Bo điều khiển (2 cái x 1.620.000 đồng)		Cái	2	1.620.000	3.240.000
	Nguồn 60A 5V (8 cái x 2 lần x 540.000 đồng)		Cái	16	540.000	8.640.000
	Khung hộp sắt ốp Alu mặt sau và 4 mặt bên (D 3.86m x C 0.66m x R 0.2m) 4,3 m ² x 2 * 1.188.000 đồng	Báo giá	m ²	8,6	1.188.000	10.216.800
	Khung đỡ màn hình Led (2 x 2.700.000 đồng)		Bộ	2	2.700.000	5.400.000
	Nhân công đào lỗ, vát tư: sắt, cắt, xi măng, đá v.v... phần móng chôn chân trụ 2 trụ x 2 x 1.080.000 đồng		Trụ	4	1.080.000	4.320.000
	Thảm định giá	Theo giá thực tế	Lần	1	1.100.000	1.100.000
-	Kinh phí Tập huấn tuyên nông thôn mới 2022 (9 lớp) * Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp x 9 lớp * Địa điểm tập huấn: tại các xã * Số lượng: 100 người/lớp * Đối tượng: Cán bộ ấp, người dân * Nội dung tập huấn: Chương trình xây dựng nông thôn mới		Lớp	9		91.350.000
	Hỗ trợ tiền ăn học viên không hưởng lương (100 người/lớp x 9 lớp x 50.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	900	50.000	45.000.000
	Tiền nước học viên (100 người x 9 lớp x 20.000 đồng)		Người	900	20.000	18.000.000
	Tài liệu cho học viên (100 người x 9 lớp x 15.000 đồng)		Bộ	900	15.000	13.500.000
	Băng rôn tập huấn (9 cái x 350.000 đồng)	Theo giá thực tế	Cái	9	350.000	3.150.000
	Thuê Hội trường (thuê dọn dẹp vệ sinh hội trường và giữ xe) 9 lớp x 600.000 đồng		Lớp	9	600.000	5.400.000
	Thủ lao giảng viên (cả ngày) 9 ngày x 700.000 đồng	Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019	Ngày	9	700.000	6.300.000
-	Tổ chức ra quân trồng cây xanh tại các tuyến đường trên địa bàn huyện (dự kiến 100 người tham gia)					48.300.000
	Giống cây trồng (Hồng Lộc, Mai vụn phước, Hoa giấy,) 500 cây x 50.000 đồng		cây	500	50.000	25.000.000
	Chi phí vận chuyển cây từ đơn vị bán giống đến từng hố trồng		chuyến	1	2.000.000	2.000.000
	Đào hố (500 hố x 10.000 đồng)	Theo giá thực tế	Hố	500	10.000	5.000.000
	Băng rôn phát động phong trào		cái	1	700.000	700.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
-	Nước uống (20 thùng x 150.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Thùng	20	150.000	3.000.000
-	Áo thun (100 cái x 100.000 đồng)		cái	100	100.000	10.000.000
-	Nón (100 cái x 15.000 đồng)		cái	100	15.000	1.500.000
-	Thảm định giá		lần	1	1.100.000	1.100.000
-	Xây dựng clip phóng sự về xây dựng khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện					16.420.000
	Biên tập cơ sở dữ liệu (2 người x 745.000 đồng)		Người	2	745.000	1.490.000
	Quay phim, làm phóng sự (3 người x 1.490.000 đồng)	Quyết định 13/2022/QĐ-UBND	Người	3	1.490.000	4.470.000
	Phát thanh viên, thu âm lời bình (1 người x 1.490.000 đồng)		Người	1	1.490.000	1.490.000
	Dựng phim (2 người x 1.490.000 đồng)		Người	2	1.490.000	2.980.000
	Viết bài (1 người x 1.490.000 đồng)		Người	1	1.490.000	1.490.000
	Ghi đĩa CD (90 đĩa x 50.000 đồng)	Báo giá	Đĩa	90	50.000	4.500.000
g	Thành phố Long Khánh					164.180.000
-	Kinh phí tập huấn tuyên truyền nông thôn mới					
	* Thời gian tập huấn: 01 lớp/ngày * 4 lớp					
	* Địa điểm tập huấn: (02 lớp tại thành phố, 02 lớp tại xã (Hàng Gòn, Bàu Trâm)		Lớp	4		92.200.000
	* Số lượng: 100 người/lớp					
	* Nội dung tập huấn: Triển khai các nội dung thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới					
	Hỗ trợ tiền báo cáo viên cấp tỉnh : 02 người/ngày x 04 lớp x 1.000.000 đồng	Nghị Quyết 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019	Người	8	1.000.000	8.000.000
	Tiền xe đưa đón báo cáo viên (chuyến đi và về trong ngày): 04 chuyến x 1.500.000 đồng		Chuyến	4	1.500.000	6.000.000
	Tiền in tài liệu (400 cuốn x 25.000 đ)	Báo giá	Cuốn	400	25.000	10.000.000
	Tiền mua túi đựng hồ sơ, bút (400 túi hồ sơ + 400 bút x 10.000 đồng)		Chiếc	800	10.000	8.000.000
	Tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (Tổ chức tại thành phố) 100 người x 150.000 đồng	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	100	150.000	15.000.000
	Tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (tổ chức tại xã) 200 người x 100.000 đồng		Người	200	100.000	20.000.000
	Tiền nước uống cho học viên 400 người x 40.000 đồng		Người	400	40.000	16.000.000
	Tiền in ấn băng rôn 4 cái x 300.000 đồng		Cái	4	300.000	1.200.000
	Tiền thuê hội trường, dọn dẹp, giữ xe 4 lớp x 2.000.000 đồng	Báo giá	Lớp	4	2.000.000	8.000.000
-	Tuyên truyền trực quan					31.400.000
	Băng rôn tuyên truyền nông thôn mới trên địa bàn các xã (1,5mx8m); treo 02 lần/năm; số lượng (03 cái/ấp x 15 ấp + 04 Trung tâm Văn hóa - Học tập và Cộng đồng xã) 98 cái x 300.000 đồng	Báo giá	Cái	98	300.000	29.400.000
	Tiền công treo băng rôn (01 công/01 xã/01 lần) 8 công x 250.000 đồng		Công	8	250.000	2.000.000
-	Kinh phí tổ chức Hội thi văn nghệ tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới					
	Số lượng: 01 cuộc thi (dự kiến mỗi xã một đội dự					
	thi từ 5-7 người tham gia), 01 Hội đồng Ban Giám khảo (dự kiến 09 người)					40.580.000
	Đội tượng: Cán bộ, công chức, người dân					

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
	Thuê Hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi		Ngày	1	10.000.000	10.000.000
	Chi thuê dẫn chương trình (2 người x 1.000.000 đồng)		Người	2	1.000.000	2.000.000
	Chi hỗ trợ thành viên Hội đồng Ban giám khảo Hội thi (9 người x 70.000 đồng)	Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/11/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp	Người	9	70.000	630.000
	Chi in cơ thi đua (3 tấm x 150.000 đồng)		tấm	3	150.000	450.000
	Chi mua hoa tặng các đơn vị đạt giải (4 bó x 250.000 đồng)		Bó	4	250.000	1.000.000
	Chi khen thưởng cho các đơn vị đạt giải					
	Giải nhất					
	Giải nhì		Giải	1	10.000.000	10.000.000
	Giải ba		Giải	1	7.000.000	7.000.000
	Giải khuyến khích		Giải	1	5.000.000	5.000.000
	Giải phụ		Giải	1	3.000.000	3.000.000
			Giải	3	500.000	1.500.000
h	Huyện Nhom Trach					263.700.000
	Mô lớp tổ chức tập huấn tuyên về nông thôn mới (01 lớp)					
	* Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp x 1 lớp					
	* Địa điểm tập huấn: tại huyện					
	* Số lượng: 100 người/lớp					
	* Đối tượng: Cán bộ ấp, khu dân cư, người dân					
	* Nội dung tập huấn: Triển khai Bộ tiêu chí Nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh; Vai trò của Tổ chức chính trị, xã hội trong công tác thông tin tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới; Công tác bảo vệ môi trường ở nông thôn; một số nội dung có liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới		Lớp	1		23.200.000
	Hỗ trợ tiền ăn học viên không hưởng lương: 100 người x 150.000 đồng/người x 1 lớp					
	Tiền nước: 100 người x 40.000 đồng/người x 1 lớp	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	100	150.000	15.000.000
	Tài liệu cho học viên: 100 người x 20.000 đồng/người/quyển x 1 lớp		Người	100	40.000	4.000.000
	Bảng tôn tập huấn: 600.000 đồng/cái		Cuốn	100	20.000	2.000.000
	Thuê hội trường, âm thanh, vệ sinh,... (trọn gói): 1.200.000đ/lớp x 1 lớp = 1.200.000 đồng.	Theo giá thực tế	Cái	1	600.000	600.000
	Thuê lao giảng viên (cả ngày): 400.000đ/lớp x 1 lớp		Trọn gói	1	1.200.000	1.200.000
			Lần	1	400.000	400.000
	Paro (kết cấu bằng khung sắt vuông 25, mặt tôn, căng bạt hiflex 2 mặt, viền nhôm, gắn cổ dẻ vào cột điện + thiết kế + thẩm định giá) rộng 0,5m x cao 2,5m					
	* Địa điểm: xã Long Thọ và xã Phước Khánh	Báo giá	Cái	150	1.350.000	202.500.000
	Số lượng 150 cái x 1.350.000 đồng					
	Tổ chức tập huấn giải pháp xây dựng mô hình Khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện					
	Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp x 11 lớp					
	Địa điểm tập huấn: tại các xã					
	Số lượng: 30 người/lớp		Lớp	11		38.000.000
	Đối tượng: Cán bộ xã, ấp, Khu dân cư và người dân					
	Nội dung tập huấn: Giải pháp xây dựng mô hình Khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn huyện					

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
-	Tiền báo cáo viên (400.000 đ/ngày/lớp x 11 lớp)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Lần	11	400.000	4.400.000
	Bảng rôn tập huấn: 600.000 đồng/cái		Cái	1	600.000	600.000
	Tiền photo tài liệu học viên (30 hv x 11 lớp x 20.000 đồng)		Cuốn	330	20.000	6.600.000
	Tiền nước uống cho học viên (30 hv x 11 lớp x 40.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	330	40.000	13.200.000
	Thuê hội trường, âm thanh, vệ sinh... (1.200.000 đ/lớp x 11 lớp)		Tờn gói	11	1.200.000	13.200.000
i	Huyện Định Quán					579.280.000
-	Thay các nội dung pano tuyên truyền (tháo ra thay mới lắp đặt lại)					134.000.000
	Pano nhỏ (0,8 m x 2 m) treo cột điện		Cái	200	400.000	80.000.000
	Địa điểm: Phú Ngọc; Thanh Sơn; Phú Hòa; Phú Vinh					
	Pano lớn		m2	300	180.000	54.000.000
	Địa điểm: Phú Túc, Phú Vinh, Ngọc Định, Phú Ngọc, Túc Trung... (300 m2 x 180.000 đồng)					
-	Pano tuyên truyền (0,8 m x 2 m) treo cột điện		Cái	200	700.000	140.000.000
	Địa điểm: Suối Nho, Phú Cường, Già Canh, La Ngà... (Làm mới và lắp đặt)					
-	Phối hợp Hội liên hiệp phụ nữ huyện Định Quán tổ chức tuyên truyền phong trào 5 không 3 sạch gắn với xây dựng Nông thôn mới		Lớp	3		44.850.000
	Tài liệu tập huấn (450 bộ x 10.000 đồng)		Bộ	450	10.000	4.500.000
	Hỗ trợ tiền ăn đối tượng không hưởng lương (450 người x 50.000 đồng)		Người	450	50.000	22.500.000
	Tiền nước (450 người x 20.000 đồng)		Người	450	20.000	9.000.000
	Khẩu hiệu trang trí hội trường (3 cái x 150.000 đồng)		Cái	3	150.000	450.000
	Tiền thuê xe (3 chuyến x 1.800.000 đồng)		Chuyến	3	1.800.000	5.400.000
	Bồi dưỡng báo cáo viên (3 người x 1.000.000 đồng)		Người	3	1.000.000	3.000.000
-	Phối hợp với Huyện đoàn thực hiện					260.430.000
+	Tổ chức tập huấn khởi nghiệp, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho đoàn viên, thanh niên.					8.545.000
	Phòng trang trí (4,5 m2 x 110.000 đồng)		m2	4,5	110.000	495.000
	Bảng rôn tuyên truyền (3 cái x 300.000 đồng)		Cái	3	300.000	900.000
	Thuê màn chiếu		Bộ	1	500.000	500.000
	Thuê âm thanh		Loa	1	500.000	500.000
	Nước uống (10 bình x 15.000 đồng)		Bình	10	15.000	150.000
	Tài liệu (100 cuốn x 15.000 đồng)		Cuốn	100	15.000	1.500.000
	Báo cáo viên (2 người x 500.000 đồng)		Người	2	500.000	1.000.000
	Hội trường (điện+ giữ xe) 2 người x 250.000đ		Người	2	250.000	500.000
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, không lương (100 người x 30.000 đồng)		Người	100	30.000	3.000.000
+	Xây dựng tuyến đường phân loại rác tại nguồn					192.095.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý đề xuất nhiệm vụ (chi tiết đến điều, khoản, điểm).	BVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
++	Kinh phí xây dựng tuyến đường					
	Thùng rác nhỏ (200 thùng x 250.000 đ)					179.375.000
	Thùng rác lớn (50 thùng x 1.250.000 đ)		Thùng	200	250.000	50.000.000
	In decal dán loại nhỏ (200 tờ x 80.000 đ)		Thùng	50	1.250.000	62.500.000
	In decal loại lớn (50 tờ x 150.000 đ)		Tờ	200	80.000	16.000.000
	Kinh phí thi công bảng tên công trình (4,5 m ² x 750.000 đồng)		Tờ	50	150.000	7.500.000
	In bảng hướng dẫn phân loại rác (khung sắt) 50 bảng x 800.000 đồng)		m ²	4,5	750.000	3.375.000
++	Kinh phí khánh thành tuyến đường		Bảng	50	800.000	40.000.000
	Nước uống ra quân (5 bình x 20.000 đ)					3.870.000
	Thuê âm thanh		Bình	5	20.000	100.000
	Băng rôn tuyên truyền (5 cái x 300.000 đ)		Bộ	1	1.000.000	1.000.000
	Phòng chỉnh (7 m ² x 110.000 đ)	Theo giá thực tế	Cái	5	300.000	1.500.000
	Bồi dưỡng dọn vệ sinh, giữ xe (2 người x 250.000 đồng)		m ²	7	110.000	770.000
++	Kinh phí tổ chức lớp tập huấn phân loại rác tại nguồn		Người	2	250.000	500.000
	Phòng trang trí (4,5 m ² x 70.000 đồng)		m ²	4,5	70.000	8.850.000
	Băng rôn tuyên truyền (2 cái x 300.000 đ)		Cái	2	300.000	600.000
	Băng rôn chào mừng đại biểu (6,3 m ² x 50.000 đồng)	Theo giá thực tế	m ²	6,3	50.000	315.000
	Nước uống bình (2 bình x 20.000 đồng)		Bình	2	20.000	40.000
	Nước uống chai (4 thùng x 95.000 đồng)		Thùng	4	95.000	380.000
	Bảo cáo viên (2 người x 1.000.000 đồng/ngày)		Người	2	1.000.000	2.000.000
	Tài liệu: 50 cuốn x 24.000đ/cuốn		Cuốn	50	24.000	1.200.000
	Hội trường (điện+ giữ xe) 2 người x 500.000đ		Người	2	500.000	1.000.000
	Hỗ trợ tiền ăn cho người dân, không lương (100 người x 30.000 đồng)		Người	100	30.000	3.000.000
+	Hội thi "Thanh niên nông thôn với các giải pháp xây dựng nông thôn mới gắn với phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh					27.780.000
	Market sân khấu chính (18 m ² x 90.000 đ)		m ²	18	90.000	1.620.000
	Thuê giữ xe + điện (2 người x 500.000 đ)		Người	2	500.000	1.000.000
	Băng rôn chào mừng đại biểu 8m*1m*90.000đ/m		m ²	8	90.000	720.000
	Bandrol tuyên truyền (5 cái x 300.000đ/cái)		Cái	5	300.000	1.500.000
	Nước uống : 20 bình x 15.000đ/bình		Bình	20	15.000	300.000
	Nước uống chai : 02 thùng x 120.000đ/thùng		Thùng	2	120.000	240.000
	Hoa Ban giám khảo: 05 bó * 80.000đ/bó		Bó	5	80.000	400.000
	Hoa tặng 14 đội thi : 14 bó * 100.000đ/bó		Bó	14	100.000	1.400.000
	Bồi dưỡng BGK : (5 người x 300.000đ/người)		Người	5	300.000	1.500.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
-	Khung khen + giấy : 14 bộ x 30.000 đ		Bộ	14	30.000	420.000
	<i>Giải thưởng:</i>					18.680.000
	Cờ giải: 14 x 120.000đ/cờ		Cờ	14	120.000	1.680.000
	Giải nhất: 1 giải x 4.000.000đ/ giải		Giải	1	4.000.000	4.000.000
	Giải nhì: 1 giải x 3.000.000đ/ giải		Giải	1	3.000.000	3.000.000
	Giải ba: 2 giải x 2.000.000đ/ giải		Giải	2	2.000.000	4.000.000
	Giải KK: 5 giải x 1.000.000đ/ giải		Giải	5	1.000.000	5.000.000
	Giải tiểu phẩm hay nhất: 500.000đ/ giải		Giải	1	500.000	500.000
	Giải cổ động viên: 500.000đ/ giải		Giải	1	500.000	500.000
+	Ra quân trồng cây xanh nhân kỷ niệm 133 năm ngày sinh nhật Bác					32.010.000
	Phòng chính (7m2 x 110.000 đồng)		m2	7	110.000	770.000
	Bao tay lao động (100 đôi x 8.000 đ)		Đôi	100	8.000	800.000
	Băng rôn tuyên truyền (3 cái x 300.000 đ)		Cái	3	300.000	900.000
	Thuê âm thanh		Bộ	1	1.000.000	1.000.000
	Nước uống 20 bình x 15.000 đồng		Bình	20	15.000	300.000
	Nước uống chai 2 thùng x 120.000 đồng		Thùng	2	120.000	240.000
	Mua giống cây giáng hương (700 cây x 40.000 đồng)		Cây	700	40.000	28.000.000
k	Tình Đoàn					506.070.000
-	Hội thi Thanh niên nông thôn sáng tạo khởi nghiệp lần thứ 2		Lần	1		203.270.000
	<i>Kinh phí tuyên truyền cho cuộc thi</i>					61.000.000
	Thuê thiết kế Logo Cuộc thi, Video, Clip tuyên truyền, giới thiệu Cuộc thi (20 cái x 300.000 đ)		Cái	20	300.000	6.000.000
	Kinh phí giới thiệu Cuộc thi trên Báo, Đài PTTH Đồng Nai và các trang mạng xã hội (5 cái x 3.000.000 đồng)		Cái	5	3.000.000	15.000.000
	Xây dựng Website cho cuộc thi năm 2022 và những năm tiếp theo	Theo thực tế	Lần	1	30.000.000	30.000.000
	Banner đọc tuyên truyền về Cuộc thi trên các tuyến đường (100 cái x 100.000 đồng)		Cái	100	100.000	10.000.000
	<i>Kinh phí tập huấn xây dựng đề án khởi nghiệp</i> <i>(Số lượng: 100 người, tổ chức 1 buổi tại Nhà hàng Sen Vàng)</i>					19.000.000
	Thuê hội trường, màn hình led, âm thanh	Theo thực tế	Buổi	1	11.000.000	11.000.000
	Photo Tài liệu (100 bộ x 20.000 đồng)	Theo thực tế	Bộ	100	20.000	2.000.000
	Nước uống giữa giờ (100 người x 20.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	100	20.000	2.000.000
	Bảo cáo viên (2 người x 1.000.000 đồng)	Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐNT ngày 29/10/2019 của Hội Đồng nhân dân tỉnh	Người	2	1.000.000	2.000.000
	Thuê xe chở Bảo cáo viên từ Tp. HCM về Đồng Nai và ngược lại (2 lượt x 1.000.000 đồng/lượt)	Theo thực tế	Xe	2	1.000.000	2.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
	KP tổ chức vòng loại cuộc thi "Thanh niên nông thôn sáng tạo khởi nghiệp" (Số lượng: 100 người; tổ chức 1 ngày tại Nhà hàng Sen Vàng)					35.860.000
	Thuê hội trường, màn hình led, âm thanh	Theo thực tế	Ngày	1	20.000.000	20.000.000
	Hoa tặng Ban Giám khảo		Bó	1	200.000	200.000
	Thiết kế maket trình chiếu, phòng trang trí toàn chương trình		CT	1	2.000.000	2.000.000
	Băng rôn trước cổng (18 m2 x 70.000 đồng)		m ²	18	70.000	1.260.000
	Bánh ngọt, nước uống giữa giờ (100 người x 40.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	100	40.000	4.000.000
	Thuê xe đưa nước BGK từ Tp.Hồ Chí Minh (03 người, 3 chuyến 2 lượt đi và về x 1.000.000 đồng/chuyến)	Văn bản Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 13/04/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	Chuyến	3	1.000.000	3.000.000
	Bồi dưỡng Ban giám khảo chấm thi (5 người x 500.000 đồng/buổi x 2 buổi)		Người	5	1.000.000	5.000.000
	Bồi dưỡng Thư ký (2 người x 100.000 đồng/buổi x 2 buổi)		Người	2	200.000	400.000
	Vòng bán kết cuộc thi (Số lượng 50 người, tổ chức 1 buổi tại Nhà hàng Golden Lotus)					22.860.000
	Thuê hội trường	Theo thực tế	Buổi	1	11.000.000	11.000.000
	Hoa tặng Ban Giám khảo		Bó	1	200.000	200.000
	Băng rôn trước cổng (18 m2 x 70.000 đồng)		m ²	18	70.000	1.260.000
	Bánh ngọt, nước uống giữa giờ (50 người x 40.000 đồng)		Người	50	40.000	2.000.000
	Bồi dưỡng Ban giám khảo chấm thi (5 người x 500.000 đồng/buổi x 2 buổi)	Văn bản Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 13/04/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	Người	5	500.000	5.000.000
	Bồi dưỡng Thư ký (2 người x 100.000 đồng/buổi x 2 buổi)		Người	2	100.000	400.000
	Thuê xe đưa nước BGK từ Tp.Hồ Chí Minh (03 người, 3 chuyến 2 lượt đi và về x 1.000.000 đồng/chuyến)	Theo thực tế	Chuyến	3	1.000.000	3.000.000
	Tổ chức Vòng Chung kết - Trao giải cuộc thi "Thanh niên nông thôn sáng tạo khởi nghiệp" (Tổ chức 1 ngày tại Nhà hàng Golden Lotus)					64.550.000
	Livestream cuộc thi trên nền tảng các trang mạng xã hội	Theo thực tế	Lần	1	8.000.000	8.000.000
	Thuê hội trường lớn	Theo thực tế	Ngày	1	20.000.000	20.000.000
	Văn phòng phẩm	Theo thực tế	Lần	1	500.000	500.000
	Hoa trao giải cho các thí sinh vào chung kết (10 vòng x 150.000 đồng)		Vòng	10	150.000	1.500.000
	Hoa tặng Ban Giám khảo, Hội đồng chấm thi (2 bó x 200.000 đồng)		Bó	2	200.000	400.000
	Bồi dưỡng Ban giám khảo chấm thi (5 người x 500.000 đồng)	Văn bản Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 13/04/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai	Người	5	500.000	2.500.000
	Bồi dưỡng Thư ký (2 người x 100.000 đồng)		Người	2	100.000	200.000
	Biểu trưng (10 cái x 300.000 đồng)	Theo thực tế	Cái	10	300.000	3.000.000
	Hỗ trợ Đội văn nghệ đầu giờ		Lần	1	5.000.000	5.000.000
	Giải I (1 giải x 5.000.000 đồng)		Giải	1	5.000.000	5.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý đề xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
	Giải II (1 giải x 4.000.000 đồng)	Theo đề xuất	Giải	1	4.000.000	4.000.000
	Giải III (2 giải x 3.000.000 đồng)		Giải	2	3.000.000	6.000.000
	Giải khuyến khích (3 giải x 2.000.000 đồng)		Giải	3	2.000.000	6.000.000
	Giải thường vì cộng đồng (1 giải x 1.000.000 đồng)		Giải	1	1.000.000	1.000.000
	Giải cho cá nhân xuất sắc nhất do Hội đồng chấm điểm bình chọn (1 giải x 1.000.000 đồng)		Giải	1	1.000.000	1.000.000
	In Giấy khen và khung khen (10 giải x 45.000 đồng)	Theo thực tế	Giải	10	45.000	450.000
-	Tập huấn về Chuyển đổi số nông thôn mới - Địa điểm: 11/11 huyện, thành phố - Thời gian: dự kiến tháng 6/2023 - Số lượng: 50 người/lớp.		Lớp	11		146.300.000
	Maket trang trí (4m x 6m) x 11 cái x 200.000 đ	Theo thực tế	m2	264	200.000	52.800.000
	Băng rôn treo công (11 cái x 500.000 đồng)		Cái	11	500.000	5.500.000
	Hỗ trợ báo cáo viên (11 người x 1.000.000 đồng)	Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐNT ngày 29/10/2019 của Hội Đồng nhân dân tỉnh	Người	11	1.000.000	11.000.000
	Hỗ trợ điện, nước, giữ xe, vệ sinh địa điểm tổ chức (11 ngày x 2.000.000 đồng/ngày)	Theo đề xuất	Ngày	11	2.000.000	22.000.000
	Hỗ trợ tiền nước cho học viên (550 người x 40.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	550	40.000	22.000.000
	Hỗ trợ xe đưa đón báo cáo viên (11 chuyến x 1.500.000 đồng)	Theo thực tế	Chuyến	11	1.500.000	16.500.000
	Photo tài liệu (550 cuốn x 30.000 đồng)		Cuốn	550	30.000	16.500.000
-	Hỗ trợ giới thiệu sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao trên nền tảng công nghệ số - Thời gian: dự kiến tháng 3 triển khai - Hình thức: Xây dựng website triển lãm thực tế ảo		Lần	1		156.500.000
+	Xây dựng Website triển lãm thực tế ảo	Theo thực tế	Gói	1	140.000.000	140.000.000
+	Tổ chức Hội nghị thông tin về website triển lãm thực tế ảo, kết nối NSX					14.500.000
	Hỗ trợ báo cáo viên giới thiệu về website	Theo đề xuất	Người	1	1.000.000	1.000.000
	Thuê Hội trường (Nhà hàng Sen Vàng)	Theo thực tế	Buổi	1	11.000.000	11.000.000
	Băng rôn		Cái	1	500.000	500.000
	Hỗ trợ nước uống cho các đại biểu (100 người x 20.000 đồng)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	100	20.000	2.000.000
+	Pho to tài liệu (100 bộ x 20.000 đồng)	Theo thực tế	Bộ	100	20.000	2.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý để xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
1	<p>Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam: Tập huấn tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia Chương trình MTQG xây dựng NTM cho đội ngũ cán bộ mặt trận cơ sở năm 2023 * Thời gian tập huấn: 01 lớp/ngày * Địa điểm tập huấn: tại Trung tâm Chính trị huyện, thành phố * Số lượng khoảng: 83 người/lớp * Đối tượng: cán bộ Mặt trận cấp huyện, xã, ấp. * Nội dung: Triển khai các nội dung Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng nông thôn mới gắn với Cuộc vận động TĐBKXDNTM.ĐTVM và quy trình thâm định tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư kiểu mẫu, huyện nông thôn mới nâng cao; những nội dung cơ bản của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 2021 - 2025).</p>		Lớp	10		224.240.000
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương (758 người x 150.000 đồng/người)	Quyết định 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	Người	758	150.000	113.700.000
	Tiền nước cho đại biểu (828 x 40.000 đồng/ngày)		Người	828	40.000	33.120.000
	Thuê hội trường, âm thanh, ánh sáng (10 lớp là 10 ngày x 1.000.000 đồng)		Ngày	10	1.000.000	10.000.000
	Khẩu hiệu, trang trí (10 ngày x 800.000 đồng)		Cái	10	800.000	8.000.000
	Chi tiền in ấn tài liệu (828 cuốn x 15.000 đồng)		Cuốn	828	15.000	12.420.000
	Tiền báo cáo viên (02 giảng viên giảng/1 lớp x 10 lớp x 1.300.000 đồng/người)	Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐNT ngày 29/10/2019 của Hội Đồng nhân dân tỉnh	Người	20	1.300.000	26.000.000
	Thuê xe 07 chỗ (10 chuyến/10 ngày x 2.100.000 đồng/chuyến)		Chuyến	10	2.100.000	21.000.000
m	Hội Nông dân Tổ chức tập huấn 01/lớp/100 học viên/ngày x 6 lớp					153.000.000
	Chi hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương (100 người x 6 lớp x 100.000 đồng)		Người	600	100.000	60.000.000
	Nước uống học viên (100 người x 6 lớp x 20.000 đồng)		Người	600	20.000	12.000.000
	Hỗ trợ tiền xăng xe học viên (100 người x 6 lớp x 50.000 đồng)		Người	600	50.000	30.000.000
	Thủ lao giảng viên (1 người x 2 buổi x 6 lớp x 1.000.000 đồng)		Ngày	12	1.000.000	12.000.000
	Photo Tài liệu (100 bộ x 6 lớp x 20.000 đồng)		Bộ	600	20.000	12.000.000
	Thuê Hội trường tập huấn, giữ xe (6 lớp x 1.500.000 đồng)		Lớp	6	1.500.000	9.000.000
	Khẩu hiệu khung sắt và trang trí hội trường (6 lớp x 700.000 đồng)		Lớp	6	700.000	4.200.000
	Thuê xe đi ô tô chức lớp (chỉ theo thực tế) 6 chuyến x 2.000.000 đồng		Chuyến	6	2.000.000	12.000.000
	Văn Phòng phẩm (6 lớp x 300.000 đồng)		Lớp	6	300.000	1.800.000
n	Huyện Long Thành					99.000.000
	Thiết kế xây dựng các pano tuyên truyền tại xã Phước Thái và Cẩm Đường: 2 panô (6mx4m) x 49.500.000đ/panô = 99.000.000 đồng		Cái	2	49.500.000	99.000.000

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý đề xuất nhiệm vụ (chỉ tiết đến điều, khoản, điểm).	DVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)
*3	Hội thi "Khu dân cư kiểu mẫu sáng, sạch đẹp" cấp tỉnh (Thành phần 300 người, trong đó có 200 người là đối tượng không hưởng lương)					440.230.000
	Mặt bằng Nhà hát truyền hình		Buổi	1	32.000.000	32.000.000
	Âm thanh, ánh sáng		Buổi	1	16.000.000	16.000.000
	Phí giữ xe máy	Bảo giá	Buổi	1	2.000.000	2.000.000
	Thuế dân chương trình (2 MC)		Người	1	3.000.000	3.000.000
	Màn hình led		Buổi	1	40.000.000	40.000.000
	Ghi hình chương trình hội thi		Buổi	1	70.000.000	70.000.000
	Băng rôn trang trí		Cải	2	2.000.000	4.000.000
	Nước uống giữa giờ (300 người x 20.000đ/ người/ngày)		Người	300	20.000	6.000.000
	Bồi dưỡng Ban giám khảo chấm thi (07 người x 500.000/buổi)		Người	7	500.000	3.500.000
	Bồi dưỡng Thư ký (4 người x 200.000/buổi)		Người	4	200.000	800.000
	Giải I		Giải	1	10.000.000	10.000.000
	Giải II		Giải	2	7.000.000	14.000.000
	Giải III		Giải	4	5.000.000	20.000.000
	Giải khuyến khích		Giải	8	3.000.000	24.000.000
	Giải phụ		Giải	4	500.000	2.000.000
	Biểu trưng cho các địa phương, ấp, xã tham gia Hội thi cấp tỉnh		Cải	27	1.000.000	27.000.000
	Cư lưu niệm		Cải	17	200.000	3.400.000
	In Giấy khen và khung khen		Cải	17	50.000	850.000
	Hoa trao giải Hội thi		Bó	10	150.000	1.500.000
	Hoa tặng Ban Giám khảo chấm thi		Bó	7	200.000	1.400.000
	Photo tài liệu (14 người x 20.000 đồng/bộ)		Bộ	14	20.000	280.000
	Văn phòng phẩm		Lần	1	1.500.000	1.500.000
	Thuế xây dựng Clip tuyên truyền, giới thiệu Hội thi (Thời lượng: 2-5 phút)	Bảo giá	Lần	1	12.000.000	12.000.000
	Thuế xây dựng Clip tổng hợp vòng thi cấp huyện (phục vụ vòng chung kết), Thời lượng: 15 phút	Bảo giá	Lần	1	30.000.000	30.000.000
	Thuế thiết kế Infographic cho Hội thi		Lần	1	5.000.000	5.000.000
	Thuế xe chấm điểm thực tế các khu dân cư (10 lần x 3.000.000 đồng)	Bảo giá	Lần	10	3.000.000	30.000.000
	Banner, băng rôn tuyên truyền Hội thi trên các tuyến đường		Lần	200	250.000	50.000.000
	Thuế xe đi khảo sát thực tế KDC tham gia hội thi (6 chuyến x 4.500.000 đồng)		chuyến	6	4.500.000	27.000.000
	Chi phí tham định giá		Lần	1	3.000.000	3.000.000